

Bản án số: 179/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 9 - 2022

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T,
TỈNH TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thảo

2. Bà Lý Thị Nhân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Kim Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang** tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2022/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2022, về *Tranh chấp hôn nhân và gia đình* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Phương Thảo A**, sinh năm 1991;

HKTT: Tổ dân phố 16, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi ở hiện nay: Thôn 4, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

2. **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Tổ dân phố 16, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

(Anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do; chị A có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện; Biên bản tự khai có lưu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Phương Thảo A trình bày:

Tôi anh Nguyễn Văn C được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, có làm thủ tục đăng ký kết hôn ngày 25/12/2009 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang theo quy định pháp luật. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc cùng gia đình nhà chồng tại tổ 16, phường T, thành phố T. Đến năm 2019, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do Anh C không chịu làm ăn, mãi chơi, không tu chí xây dựng gia đình, từ đó vợ chồng cãi cọ, to tiếng thường xuyên, Anh C đi đâu làm gì tôi không biết. Tôi và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng Anh C không nghe. Đến cuối năm 2019, tôi và các con không ở cùng gia đình tại tổ 16, phường T, thành phố T nữa mà chuyển về nhà mẹ đẻ

ở thôn 4, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang sinh sống. Khi tôi chuyển về nhà mẹ đẻ, Anh C cũng không liên lạc hay quan tâm gì vợ con.

Tôi xác định tình cảm vợ chồng đã hết, vợ chồng không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Tôi và Anh C có 02 con chung: Con lớn là cháu Nguyễn Trần Hoàng A, sinh ngày 12/7/2010; con thứ hai là cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 04/7/2014. Hiện đang con đang ở cùng tôi ở xóm 4, xã T, huyện Y. Sau khi ly hôn, tôi đề nghị là mẹ, là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Phương T và Nguyễn Trần Hoàng A. Tôi không yêu cầu Anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung, Anh C có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở

- Về tài sản chung: Tôi và Anh C không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung: Tôi và Anh C không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo, triệu tập, niêm yết văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng anh Nguyễn Văn C không đến Tòa án cũng như không có văn bản trình bày về ý kiến của mình.

Quá trình giải quyết vụ án, về chứng cứ chị Nguyễn Phương Thảo A cung cấp cho Tòa án:

- 01 bản chính trích lục kết hôn;
- 01 giấy khai sinh tên Nguyễn Trần Hoàng L;
- 01 giấy khai sinh tên Nguyễn Phương T;
- 01 sổ hộ khẩu;
- 01 chứng minh thư nhân dân tên Nguyễn Phương Thảo A.

Anh Nguyễn Văn C không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Tòa án nhân dân thành phố T xác minh tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của Chị Thảo A và Anh C được biết: Chị Thảo A và Anh C là vợ chồng, có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 16, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Anh C thường xuyên vắng mặt ở địa phương, tuy nhiên không khai báo tạm vắng, nghe nói Anh C đi làm ăn xa. Chị A hiện nay nghe nói về nhà mẹ đẻ sinh sống. Về tình cảm vợ chồng Chị Thảo A và Anh C có mâu thuẫn hay không địa phương không nắm được cụ thể, nhưng có việc vợ chồng mâu thuẫn, cãi cọ, to tiếng với nhau. Nay Chị Thảo A có đơn xin ly hôn với Anh C đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị Thảo A và Anh C có 02 người con chung là Nguyễn Trần Hoàng A, sinh ngày 12/7/2010 và Nguyễn Phương T, sinh ngày 04/7/2014. Hai cháu có hộ khẩu ở địa phương tuy nhiên hiện nay ở với chị A, thi thoảng các con có về thăm ông bà nội. Tài sản chung: Chị Thảo A và anh không có tài sản chung. Về tài sản cho vay và vay nợ chung thì địa phương không nắm được.

Tòa án đã triệu tập Chị Thảo A và Anh C đến Tòa án để hòa giải nhiều lần, nhưng Anh C đều vắng mặt không có lý do, nên không hòa giải theo quy định của pháp luật được.

Tòa án xác minh với ông Nguyễn Văn Quang và bà Nguyễn Thị Duyên là bố mẹ đẻ của Anh C được biết: Anh C, Chị Thảo A là vợ chồng, là con trai và con dâu ông bà. Có hộ khẩu thường trú tại tổ 16, phường T, thành phố T. Anh C và chị A đã có trục trặc, mâu thuẫn từ lâu do bất đồng về quan điểm sống và làm ăn kinh tế. Anh C đi làm ăn xa, ít về nhà, việc Tòa án gửi các thông báo về việc ly hôn của anh chị Cường Anh thì bà Duyên đều có thông báo cho Anh C biết, Anh C có trao đổi là nhất trí việc ly hôn. Chị A cùng các cháu đã chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống. Việc chị A và Anh C ly hôn, ông bà

cho biết đây là việc riêng của cá nhân anh chị, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị Thảo A và Anh C có 02 người con chung là Nguyễn Trần Hoàng A, sinh ngày 12/7/2010 và Nguyễn Phương T, sinh ngày 04/7/2014. Hai cháu có hộ khẩu ở tổ 16, phường T tuy nhiên hiện nay ở với chị A, thì thoả các cháu có về thăm ông bà nội. Nên Tòa án giải quyết ly hôn, ông bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật để các cháu có điều kiện sống tốt nhất. Về tài sản chung và tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung: Chị A và Anh C không có.

Tòa án tiến hành lấy ý kiến của cháu Nguyễn Trần Hoàng A, sinh ngày 12/7/2010 và cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 04/7/2014. Các cháu đều đề nghị ở với mẹ là chị A để được chăm sóc, học hành và quen môi trường sống.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, thụ lý và giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm về việc *Tranh chấp hôn nhân và gia đình* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Tòa án xác định tư cách đương sự, và tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng trình tự của pháp luật quy định. Các thành phần tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành theo đúng trình tự, đúng pháp luật tố tụng quy định; ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn là chị A đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn là Anh C còn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28; Điều 147; Điều 207; 227; 228; Điều 235; 238; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

* Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Phương Thảo A được ly hôn anh Nguyễn Văn Cường.

- Về con chung: Chị Thảo A và Anh C có 02 con chung là Nguyễn Trần Hoàng A, sinh ngày 12/7/2010 và Nguyễn Phương T, sinh ngày 04/7/2014. Đề nghị HĐXX giao cho chị Nguyễn Phương Thảo A trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh Nguyễn Văn C phải cấp dưỡng, Anh C có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Thảo A xác định không có tài sản chung và vay nợ chung nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

- Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung không có, nên không xem xét giải quyết.

- Chị Thảo A phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Phương Thảo A và anh Nguyễn Văn C được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, có làm thủ tục đăng ký kết hôn ngày 25/12/2009 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang theo quy định pháp luật. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc cùng gia đình nhà chồng tại tổ 16, phường T, thành phố T. Đến năm 2019, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế, vợ chồng không có tiếng nói chung, đã được hai bên gia đình khuyên nhủ nhưng không hòa giải được, chị A và Anh C hiện không sống cùng nhau nữa. Đến năm 2019, vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, to tiếng, cãi cọ nhau nên chị A có đơn xin khởi kiện xin ly hôn với Anh C. Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị A và Anh C có mâu thuẫn căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, không có tiếng nói, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận toàn bộ đơn và yêu cầu của chị A là được ly hôn với Anh C theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị A và Anh C có 02 con chung Nguyễn Trần Hoàng A, sinh ngày 12/7/2010 và Nguyễn Phương T, sinh ngày 04/7/2014. Chị A xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu Anh C cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ trên cơ sở xem xét nguyện vọng và để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử thấy giao chung Nguyễn Trần Hoàng A, sinh ngày 12/7/2010 và Nguyễn Phương T, sinh ngày 04/7/2014 cho Chị Thảo A trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Do hiện tại chị A không có yêu cầu về việc cấp dưỡng đối với con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Nguyễn Văn C có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung.

[4] Về tài sản chung các đương sự đều xác định không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung không có, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với anh Nguyễn Văn C quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng Anh C đều vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, giải quyết việc chị A xin ly hôn với Anh C theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Chị A phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Anh C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Nguyên đơn là chị A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là Anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, nên xét xử vắng mặt chị A và Anh C theo Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 51, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 207; 227; 228; khoản 1 Điều 235; 238; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Phương Thảo A được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2. *Về con chung:*

Xử: Giao con chung Nguyễn Trần Hoàng A, sinh ngày 12/7/2010 và Nguyễn Phương T, sinh ngày 04/7/2014 cho chị Nguyễn Phương Thảo A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn. Anh Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do hiện tại chị A không yêu cầu). Anh Nguyễn Văn C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* - Chị Nguyễn Phương Thảo A phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000357 ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Chị Nguyễn Phương Thảo A đã nộp đủ tiền án phí.

- Anh Nguyễn Văn C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo:* Chị Nguyễn Phương Thảo A và anh Nguyễn Văn C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang;
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND P. Tân Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Tuấn